CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI
DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HÀ NỘI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0101337659, E=INFO@HANOIPHARMA.COM.VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.03.30 16:06:53+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.0

Phụ lục IV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2026/BC-DHN	*Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

BÁO CÁO
Thường niên năm 2025

I. Thông tin chung

1. *Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101337659 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2002 và sửa đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 7 năm 2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Vốn điều lệ: 62.909.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 62.909.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 170 Đường La Thành, Phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 0243.5130669
- Số fax: 0243.8511280
- Website: www.hanoipharma.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): **DHN**

Quá trình hình thành và phát triển, ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

- Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") thành lập theo Quyết định số 8103/QĐ-UB ngày 27 tháng 11 năm 2002 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước là Xí nghiệp Dược phẩm Hà Nội thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101337659 đăng ký lần đầu ngày 24

tháng 12 năm 2002 và được sửa đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 7 năm 2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

- Công ty đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán là **DHN** tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (Nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam – VSDC) kể từ ngày 22/3/2018. Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 16/2018/GCNCP-VSD ngày 22/3/2018.

- Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu (Mã **DHN**) tại thị trường UPCOM trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 179/QĐ-SGDHN ngày 12/4/2018.

- Loại chứng khoán đăng ký giao dịch: Cổ phần phổ thông, mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Tổng giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 62.909.000.000 đồng, tương ứng với 6.290.900 cổ phần.

- Ngày giao dịch đầu tiên trên UPCOM: thứ năm, ngày 19/4/2018.

- Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên: 10.500 đồng/cổ phiếu.

- Các sự kiện khác:Không có

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thuốc chữa bệnh, phòng bệnh phục vụ sức khỏe cho người;

- Sản xuất mỹ phẩm;

- Xuất khẩu dược liệu, tinh dầu, dược phẩm, nông lâm sản;

- Nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu, bao bì, thuốc thành phẩm, thuốc thực phẩm, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế;

- Cho thuê văn phòng làm việc và kho chứa hàng hóa, nguyên liệu, bao bì, thành phẩm dược phẩm, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế;

- Sản xuất thảm, chăn đệm;

- May trang phục;

- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;

- Sản xuất kinh doanh dược phẩm chức năng;

- Kinh doanh bất động sản.

Trong đó: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu, chi tiết: Sản xuất thuốc chữa bệnh, phòng bệnh, phục vụ sức khỏe cho người là hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Địa bàn kinh doanh:

Trụ sở chính của Công ty: Số 170 Đường La Thành, Phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Nhà máy sản xuất thuốc dùng cho người đạt chuẩn GMP: Lô số 15, Khu công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty Cổ phần

- Cơ cấu bộ máy quản lý : Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các phòng, ban chức năng thuộc Ban điều hành Công ty.

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Sản xuất thuốc y tế tốt dùng trong phòng và chữa bệnh cho con người. Đảm bảo sản xuất, thực hành thuốc tốt theo tiêu chuẩn WHO-GMP.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Nhà máy sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO – GMP, mở rộng và góp phần nâng cao chất lượng thuốc sản xuất tại thị trường Việt Nam.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Công ty luôn tuân thủ theo đúng các quy định của Nhà nước và Pháp luật trong việc đảm bảo môi trường (môi trường xung quanh và môi trường làm việc của người lao động Công ty), tham gia các hoạt động xã hội và cộng đồng tại địa bàn nơi đặt trụ sở chính và nhà máy sản xuất thuốc của Công ty.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, …).

Công ty chịu ảnh hưởng của các rủi ro liên quan đến biến động giá đầu vào của các nguyên liệu sản xuất thuốc nhập khẩu; các biến động của giá nguyên vật liệu (dược phẩm) trên thế giới và biến động tỷ giá hối đoái;

Công ty hiện đang vận hành nhà máy thực hành sản xuất thuốc tốt dành cho con người đạt tiêu chuẩn WHO – GMP của Bộ Y tế Việt Nam, đảm bảo các quy định về quản lý môi trường của nhà nước và tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.124.392.969
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20.494.724.054
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.409.372.201
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.160.377.012

Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm 2025 so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm 2024.

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2024	Tỷ lệ TH/KH 2025	Tỷ lệ TH 2025/ TH 2024
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.260.243.649	80.140.346.736	85.648.992.541	91%	86%
2	Các khoản giảm trừ	135.850.680	-	-	0%	0%
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.124.392.969	80.140.346.736	85.648.992.541	91%	85%
4	Giá vốn hàng bán	36.206.619.746	43.421.777.338	49.267.049.437	83%	73%
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.917.773.223	36.718.569.398	36.381.943.104	101%	101%

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2024	Tỷ lệ TH/KH 2025	Tỷ lệ TH 2025/ TH 2024
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3.526.753.491	2.301.273.050	2.591.683.375	153%	136%
7	Chi phí tài chính	2.728.500	-	-	0%	0%
8	Chi phí bán hàng	4.033.188.075	4.145.625.440	3.782.689.470	97%	107%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.913.886.085	16.274.217.008	15.190.937.010	98%	105%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20.494.724.054	18.600.000.000	19.999.999.999	110%	102%
11	Thu nhập khác	35.751.891	-	284.455.811	0%	13%
12	Chi phí khác	121.103.744	-	1.830	0%	100%
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.409.372.201	18.600.000.000	20.284.453.980	110%	101%
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.248.995.189	4.200.880.000	4.202.571.162	101%	101%
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.160.377.012	14.399.120.000	16.081.882.818	112%	100%

Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến kết quả thực hiện năm 2025 so với kế hoạch và so với năm 2024:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm 2025 hoàn thành 91% kế hoạch kinh doanh năm 2025 và giảm 14% so với thực hiện năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu do các sản phẩm thuốc của Công ty trong năm 2025 chịu sự cạnh tranh gay gắt và các điều kiện thị trường không ủng hộ cũng như các tác động của việc cơ quan quản lý Nhà nước tăng cường quản lý thuế đối với các hộ kinh doanh thuốc/quầy thuốc; trong khi đó do tiết kiệm chi phí sản xuất (giá vốn hàng bán) trong năm 2025 so với thực hiện năm 2024, đã làm lợi nhuận gộp năm 2025 tương đương so với thực hiện năm 2024 và hoàn thành 101% kế hoạch kinh doanh năm 2025.

- Doanh thu hoạt động tài chính (lãi tiền gửi tiết kiệm) trong năm 2025 hoàn thành 153% kế hoạch kinh doanh năm và tăng 36% so với thực hiện năm 2024 chủ yếu đến từ việc mặt bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm năm 2025 cao hơn so với

năm 2024 và Công ty chủ động tìm kiếm, lựa chọn và đàm phán với các NHTM cổ phần để có mức lãi suất tiền gửi tốt trong năm 2025, đồng thời tăng cường quản lý dòng tiền đã làm tổng doanh thu tài chính năm 2025 tăng ~01 tỷ đồng so với thực hiện năm 2024.

- Trong năm 2025, Công ty tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp so với kế hoạch kinh doanh đã đề ra đã đóng góp không nhỏ trong việc hoàn thành 112% kế hoạch kinh doanh năm về chỉ tiêu lợi nhuận thuần sau thuế, tương đương với thực hiện năm 2024, mặc dù doanh số bán hàng sụt giảm 14% so với thực hiện năm 2024.

2. Tổ chức và nhân sự

-Danh sách Ban điều hành: Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác:

Họ và Tên	**Chức vụ**	**Trình độ chuyên môn**	**Tỷ lệ sở hữu cổ phần**
Bà Phạm Thị Tuân	Tổng Giám đốc	Dược sỹ Đại học	0%
Ông Bùi Hữu Việt	Phó Tổng Giám đốc	Dược sỹ Đại học	0%
Ông Ngô Hồng Minh	Kế toán trưởng	Cử nhân kinh tế	0.002%

- Những thay đổi trong ban điều hành:

STT	**Họ và tên**	**Chức vụ**	**Ngày bổ nhiệm/ (miễn nhiệm)**
1	Ông Ngô Hồng Minh	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 27/9/2024, thời hạn bổ nhiệm 03 năm.

-Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm cuối năm 2025: 67 cán bộ nhân viên; Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội luôn tuân thủ quy định pháp luật hiện hành về hợp đồng lao động và thực hiện đóng bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN) cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Không

phát sinh các khoản nợ NSNN liên quan đến bảo hiểm bắt buộc của người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội không phát sinh khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính vào công ty khác và các khoản đầu tư dự án). Việc thực hiện các dự án đầu tư chỉ được thực hiện sau khi có phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông cũng như cơ quan hữu quan (nếu có).

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tỷ lệ 2025/ 2024
1	Tổng tài sản	107.210.313.300	104.662.814.428	102%
2	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.124.392.969	85.648.992.541	85%
3	Lợi nhuận thuần hoạt động sản xuất kinh doanh	20.494.724.054	19.999.999.999	102%
4	Lợi nhuận/(lỗ) khác	(85.351.853)	284.453.981	-30%
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.409.372.201	20.284.453.980	101%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.160.377.012	16.081.882.818	100%

- Các chỉ tiêu khác: Không có

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Ghi chú
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	6,96	6,66	
	+ Hệ số thanh toán nhanh (= (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	5,98	5,03	
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Ghi chú
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,12	0,12	
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,14	0,14	
3	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
	+ Vòng quay hàng tồn kho (= Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	2,15	2,17	
	+ Vòng quay tổng tài sản (= Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	0,69	0,84	
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,22	0,19	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,17	0,18	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,15	0,15	
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,28	0,23	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành : 6.290.900 cổ phần

Loại cổ phần đang lưu hành : Cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 6.290.900 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Cổ đông lớn (>5%)	Cổ đông tổ chức/cá nhân	Cổ đông trong nước/ nước ngoài	Cổ đông nhà nước/cổ đông khác	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	X	Tổ chức	Trong nước	Nhà nước	2.516.360	40%
2	Nguyễn Diệu Trinh	X	Cá nhân	Trong nước	Cổ đông khác	978.824	15,56%

TT	Cổ đông	Cổ đông lớn (>5%)	Cổ đông tổ chức/cá nhân	Cổ đông trong nước/ nước ngoài	Cổ đông nhà nước/cổ đông khác	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
3	Nguyễn Đức Thắng	X	Cá nhân	Trong nước	Cổ đông khác	606.222	9,64%
4	Đỗ Thị Nga	X	Cá nhân	Trong nước	Cổ đông khác	1.246.743	19,82%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội, như sau:

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

TT	Thời gian	Quyết định	Nội dung	Vốn đầu tư	Vốn nhà nước	Vốn cổ đông khác
1	27/11/2002	Quyết định 8103/QĐ-UB ngày 27/11/2002	Chuyển DNNN xí nghiệp dược phẩm Hà Nội thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	7,9	3,16	4,74
2	05/01/2005	Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường lần thứ II ngày 05/01/2005	Tăng vốn điều lệ công ty thêm 10 tỷ đồng bằng phát hành cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu	17,9	7,16	10,74
3	11/12/2007	Quyết định 754/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 11/12/2007	Tăng vốn điều lệ công ty thêm 03 tỷ đồng bằng chia cổ tức được chia hàng năm và các khoản thặng dư vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà	20,9	8,36	12,54

TT	Thời gian	Quyết định	Nội dung	Vốn đầu tư	Vốn nhà nước	Vốn cổ đông khác
			Nội cho cổ đông hiện hữu			
4	18/09/2012	Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 18/09/2012	Tăng vốn điều lệ công ty thêm lên 62,909 tỷ đồng bằng hình thức thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:2,01.	62,909	25,1636	37,7454

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội không phát sinh giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Tổng mức phát thải khí CO2 được thực hiện theo công suất cho phép hàng năm theo thông số kỹ thuật của nhà sản xuất và Giấy chứng nhận đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất Dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP - WHO số 19221000011 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Vĩnh Phúc (sau này là thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 17 tháng 7 năm 2010.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Công ty chủ động không/hạn chế sử dụng các vật liệu có ảnh hưởng lớn tới nguy cơ gây hiệu ứng nhà kính; sử dụng các vật liệu có tính truyền sáng tốt để hạn chế mức tiêu hao điện năng khi sử dụng và vận hành các thiết bị máy móc tại nhà máy.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 36.278.892.384 đồng.

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Toàn bộ phế phẩm từ quá trình sản xuất của Công ty được xử lý theo đúng quy định và hướng dẫn của Bộ Y tế về việc xử lý rác thải y tế trong sản xuất.

6.3. Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 600.000 kwh/năm.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có dữ liệu.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

6.4. Tiêu thụ nước: mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm 2024

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nguồn nước sạch được cung cấp bởi Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO Hà Nội đảm bảo với tổng lượng nước sử dụng năm 2024: 23.000 m3/năm.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Tổng số lượng lao động của Công ty tại thời điểm cuối năm 2025 là 67 lao động.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Định kỳ, hàng năm Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội luôn đảm bảo các chế độ phúc lợi trong đảm bảo sức khoẻ, an toàn lao động của người lao động, gồm:

Định kỳ tổ chức khám chữa bệnh, khám sức khoẻ tất cả người lao động có ký kết hợp đồng lao động với Công ty;

Ký kết hợp đồng mua bảo hiểm con người cho toàn bộ công nhân tại nhà máy;

Mua và cấp phát đầy đủ bảo hộ lao động theo đúng quy định của pháp luật;

Tổ chức du lịch hè cho toàn thể người lao động Công ty;

Hỗ trợ bằng tiền, hiện vật đối với người lao động bị ốm đau, thai sản, chế độ. Đồng thời kịp thời động viên, hỏi thăm người lao động ở xa về quê ăn tết, các đám hiếu, hỷ, cưới xin … theo đúng quy định của Luật lao động hiện hành.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Đào tạo công nhân sản xuất trực tiếp bình quân hàng năm là 48 giờ/người/năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Thuê chuyên gia và tự đào tạo liên quan đến các kiến thức, kỹ năng thực hành sản xuất thuốc tốt theo tiêu chuẩn WHO – GMP, chương trình đào tạo về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn và xử lý sự cố khi xảy ra.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Thực hiện đầy đủ theo chính sách chung của Đảng và chính quyền cũng như quy định (nội quy) của Ban quản lý Khu công nghiệp Huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội yêu cầu và phát động.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không áp dụng, Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội không phát sinh các khoản vay, nợ tài chính cũng như không có hoạt động trên thị trường vốn xanh.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc về tình hình mọi mặt của công ty

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Trên cơ sở báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội, Công ty hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu tài chính do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 26 tháng 6 năm 2024 thông qua, cụ thể:

TT	Nội dung	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ TH/KH
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.140.346.736	73.124.392.969	91,2%
2	Lợi nhuận thuần hoạt động sản xuất kinh doanh	18.600.000.000	20.494.724.054	110,2%
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.600.000.000	20.409.372.201	109,7%
4	Cổ tức	20%	21%	105%

- Những tiến bộ công ty đã đạt được trong năm 2025: Trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu và tại Việt Nam, người dân thắt chặt chi tiêu và giảm chi tiêu các khoản chi không thực sự cần thiết, Công ty vẫn đảm bảo được công ăn việc làm cũng như thu nhập ổn định cho toàn thể người lao động của Công ty. Đồng thời, hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty giao phó.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản trong năm 2025 của Công ty:

- Trong năm 2025, Công ty tiếp tục sử dụng máy móc, trang thiết bị vận tải hiện có để dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời thanh lý các thiết bị không sử dụng.

Tình hình biến động tài sản cố định trong năm của Công ty như sau:

TK	Khoản mục	Nguyên giá đầu năm 2025	Mua trong năm	Thanh lý trong năm	Nguyên giá tại ngày cuối năm 2025
211	**Tài sản cố định hữu hình**	**62.881.967.980**	**-**	**326.814.000**	**62.555.153.980**
2112	Nhà cửa, vật kiến trúc	22.289.175.270	-	-	22.289.175.270
2113	Máy móc, thiết bị	32.720.306.089	-	280.250.000	32.440.056.089
2114	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.855.332.957	-	-	3.855.332.957
2115	Thiết bị, dụng cụ quản lý	252.093.856	-	46.564.000	205.529.856
2118	Tài sản cố định khác	3.765.059.808	-	-	3.765.059.808
213	**Tài sản cố định vô hình**	**4.609.713.164**	**-**	**-**	**4.609.713.164**

Tình hình trích khấu hao tài sản cố định trong năm của Công ty như sau:

TT	Nội dung	Khấu hao/Hao mòn luỹ kế đầu năm	Trích trong năm	Thanh lý trong năm	Khấu hao/ Hao mòn luỹ kế cuối năm
1	Tài sản cố định hữu hình	46.561.225.046	2.372.193.683	326.814.000	48.606.604.729
2	Tài sản cố định vô hình	1.767.971.538	95.380.692	-	1.863.352.230
	Tổng cộng	**48.329.196.584**	**2.467.574.375**	**326.814.000**	**50.469.956.959**

- Toàn bộ các khoản công nợ phải thu trong năm của Công ty đều là công nợ trong hạn, không có công nợ quá hạn hay cần phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Số dư nợ phải trả người bán tại thời điểm cuối năm 2025 là 444.862.688 đồng là tiền phải trả trong thời hạn theo hợp đồng mua bán đã ký kết với các nhà cung cấp mà Công ty được phép nợ.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Không có

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Không có.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Hướng tới xây dựng nhà máy sản xuất thuốc đạt chuẩn cao và tiên tiến trên thế giới (EU – GMP, US – GMP…) nhằm mục tiêu phục vụ tốt hơn nhu cầu thuốc trong nước và hướng tới xuất khẩu.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Ý kiến kiểm toán trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Nội dung		**Văn phòng 170 La Thành**	**Nhà máy Quang Minh**
Tiêu thụ nước		Khoảng 655 m3/năm	Khoảng 21.377 m3/năm
Tiêu thụ điện		Khoảng 68.471 kWh/năm	Khoảng 488.790 kWh/năm
Phát thải	Nước thải	Không có	Khoảng 7.582 m3/năm
	Chất thải nguy hại	Không có	Khoảng 790 m3/năm

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng số lao động của Công ty là 67 lao động, trong đó:

27 lao động có trình độ Dược sĩ (Trung cấp, Đại học);

09 lao động có trình độ chuyên môn cử nhân;

04 lao động có trình độ chuyên môn cao đẳng;

08 lao động có trình độ Dược tá;

04 lao động có trình độ chuyên môn thạc sỹ;

01 lao động có trình độ chuyên môn kỹ sư;

03 lái xe và 11 lao động phổ thông.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Thực hiện ủng hộ, đóng góp vào các chương trình xã hội do chính quyền địa phương phát động như ủng hộ thiệt hại do lũ lụt gây ra, vì người nghèo…;

Hoàn thành các nghĩa vụ về thuế, bảo hiểm bắt buộc, các khoản đóng góp, từ thiện theo các chương trình của các cấp chính quyền địa phương nơi Công ty đặt trụ sở chính và nhà máy;

Đảm bảo tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy, an ninh, an toàn nơi làm việc, không để xảy ra tai nạn lao động cũng như thực hiện các biện pháp, tập huấn về cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra thiên tai, hoả hoạn …

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

a. Việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 do ĐHĐCĐ thường niên 2025 giao phó:

TT	Nội dung	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ TH/KH
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.140.346.736	73.124.392.969	91,2%
2	Lợi nhuận thuần hoạt động sản xuất kinh doanh	18.600.000.000	20.494.724.054	110,2%
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.600.000.000	20.409.372.201	109,7%
4	Cổ tức	20%	21%	105%

b. Tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo vệ sinh môi trường nơi làm việc, sản xuất và an toàn lao động của Ban Tổng Giám đốc và toàn thể Công ty: Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật bảo hiểm xã hội, điều lệ Công ty và các văn bản hướng dẫn có liên

quan. Đảm bảo an sinh xã hội và vệ sinh môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

c. Đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định nội bộ của Công ty: Đảm bảo tuân thủ các quy định về đóng bảo hiểm bắt buộc cho người lao động; các khoản lương, thưởng … được hạch toán đầy đủ trên sổ kế toán cũng như chi trả đầy đủ, kịp thời cho người lao động theo đúng thỏa thuận, hợp đồng lao động cũng như quy chế lương thưởng của Công ty.

d. Các hoạt động với xã hội, cộng đồng: Tập trung sản xuất thuốc với chất lượng tốt với giá cả phù hợp phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho người dân Việt Nam, tham gia các hoạt động từ thiện theo phát động của các cấp chính quyền – nơi Công ty đặt trụ sở/nhà máy…

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Năm 2025, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã hoàn thành và vượt kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế do ĐHĐCĐ thường niên 2025 đặt ra, đảm bảo việc chi trả cổ tức cho các cổ đông theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 đã thông qua.
- Ban Tổng Giám đốc tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty. Trong năm 2025, HĐQT không ghi nhận bất kỳ các đơn từ, phản ánh hay các vụ kiện tụng liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của các thành viên thuộc Ban Tổng Giám đốc Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Ổn định sản xuất kinh doanh và từng bước phát triển các thế mạnh hiện tại của Công ty;
- Tập trung nghiên cứu, phát triển các sản phẩm thuốc mới, dây chuyền sản xuất mới, hiện đại, đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu về các sản phẩm thuốc có chất lượng tốt và giá cả phù hợp cho người dân Việt Nam;
- Đồng thời, nghiên cứu tìm kiếm các thị trường mới nhằm nâng cao lợi nhuận, năng lực và thương hiệu của Công ty.
- Hoàn thành công tác tái thẩm định và tái cấp giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc theo tiêu chuẩn WHO (GMP – WHO) vào quý I và II/2026.
- Hướng tới đầu tư nhà máy sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn ISO, EU/US – WHO và xuất khẩu các sản phẩm thuốc ra các thị trường quốc tế.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác: **Phụ lục 01**

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có;

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp): **Phụ lục 02**

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp): Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành):

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết
1	Trịnh Văn Lành	Trưởng BKS	18/9/2023	10%
2	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên BKS	28/5/2025	0%
3	Nguyễn Kim Cúc	Thành viên BKS	10/12/2020	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp:

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ biểu quyết
1	01/2025/BB-BKS	23/4/2025	Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát; Thẩm định báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán; Lập tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán trình ĐHĐCĐ thường niên 2025 của Công ty	3/3
2	02/2025/BB-BKS	28/5/2025	Biên bản họp bầu TBKS nhiệm kỳ 2025 – 2030	3/3
3	03/2025/BB-BKS	12/12/2025	Biên bản họp phân công nhiệm vụ Ban kiểm soát	3/3

- BKS tham dự tất cả các buổi họp của HĐQT.
- BKS giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ: ***Phụ lục 03***

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

- Sản xuất gia công thuốc cho Công ty TNHH Kinh doanh Dược Thiên Thành (Bà Đỗ Thị Nga – thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội đang là Phó Giám đốc của Công ty TNHH Kinh doanh Dược Thiên Thành).

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty: Công ty tuân thủ đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật khác có liên quan.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Ý kiến chấp nhận toàn phần

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Nơi nhận:
Recipients:
- Như kính gửi;
- Lưu: VT, VP Công ty

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI

PHẠM THỊ TUÂN

PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm	Tỷ lệ sở hữu CP	Loại hình	Số lượng chức danh thành viên HĐQT/ Quản lý tại công ty khác
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 14/11/2024	15,56%	Thành viên khác	2
Bà Đỗ Thị Nga	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 12/10/2020	19,82%	Thành viên khác	2
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 17/6/2022	15%	Đại diện vốn Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	3
Bà Nguyễn Thị Thơm	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 17/6/2022	15%	Đại diện vốn Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	1
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28/5/2025	0%	Thành viên khác	4

PHỤ LỤC 02: Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2024

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	116/NQ-HĐQT	07/02/2025	Nghị quyết HĐQT vv thông qua sửa chữa dây chuyền thuốc nhỏ mắt đạt tiêu chuẩn GMP - WHO	100%
2.	117/NQ-HĐQT	18/3/2025	Thông qua việc gia hạn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội.	100%
3.	20/QĐ-HĐQT	28/3/2025	Quyết định về việc chi thưởng 20% LNST vượt kế hoạch 2024.	100%
4.	118/NQ-HĐQT	01/4/2025	Nghị quyết HĐQT về việc tổ chức ĐHCĐ thường niên 2025	100%
5.	122/NQ-HĐQT	28/5/2025	Nghị quyết HĐQT về việc Bầu bà Nguyễn Diệu Trinh giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2025 – 2030.	100%
6.	01/2025/NQ-HĐQT	14/7/2025	Nghị quyết HĐQT về chi trả cổ tức năm 2024	100%
7.	03/2025/NQ-HĐQT	12/11/2025	Nghị quyết HĐQT vv thông qua tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại DHN	100%
8.	04/2025/NQ-HĐQT	25/11/2025	Nghị quyết HĐQT vv thông qua đơn vị kiểm toán 2025	100%

PHỤ LỤC 03: Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc/Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm	Lương	Phụ cấp HĐQT/BKS	Tổng
Nguyễn Diệu Trinh	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 14/11/2024	-	144.000.000	144.000.000
Bùi Thị Minh Tâm	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 14/11/2024	-	23.841.964	23.841.964
Đỗ Thị Nga	TV. HĐQT	Bổ nhiệm ngày 12/10/2020	-	119.873.569	119.873.569
Nguyễn Thị Kim Loan	TV. HĐQT	Bổ nhiệm ngày 16/6/2022	-	19.073.569	19.073.569
Nguyễn Thị Thơm	TV. HĐQT	Bổ nhiệm ngày 16/6/2022	-	19.073.569	19.073.569
Nguyễn Thị Kim Anh	TV. HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28/5/2025	-	58.800.000	58.800.000
Đào Đình Tâm	TV. HĐQT	Bổ nhiệm ngày 14/11/2024 Miễn nhiệm ngày 28/5/2025	-	43.400.000	43.400.000
Nguyễn Việt Cường	TV. HĐQT	Miễn nhiệm ngày 14/11/2024		16.689.373	16.689.373
Trịnh Văn Lành	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 18/9/2023	-	19.073.569	19.073.569
Nguyễn Thị Kim Cúc	TV. BKS	Bổ nhiệm ngày 12/10/2020	-	8.174.387	8.174.387
Nguyễn Lan Hương	TV. BKS	Bổ nhiệm ngày 12/10/2020 Miễn nhiệm ngày 28/5/2025	-	18.000.000	18.000.000

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm	Lương	Phụ cấp HĐQT/BKS	Tổng
Nguyễn Thị Thu Hương	TV. BKS	Bổ nhiệm ngày 28/5/2025	-	25.200.000	25.200.000
Phạm Thị Tuân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/7/2020	1.359.331.887	-	1.359.331.887
Bùi Hữu Việt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/3/2022 Miễn nhiệm ngày 01/4/2026	916.157.597	-	916.157.597
Ngô Hồng Minh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 27/9/2023	753.123.470	-	753.123.470